TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2023/QĐST- KDTMST	*K, ngày 22 tháng 9 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 357 ; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTMST và DSST thụ lý số 26/2023/ TLST-KDTM, ngày 27 tháng 7 năm 2023 về "Tranh chấp HĐ tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***/ Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P (HDBank).**

Địa chỉ trụ sở: 25Bis N, phường B, Quận E, TP. H1.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Minh Đ.

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh H – Ngân hàng HDBank.

(Theo Quyết định ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGĐ ngày 23/5/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP P thành phố H1).

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê T1.

Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách phòng Giao dịch K.

(Theo Giấy ủy quyền số 104A/2023/GUQ-HDBank ngày 16/6/2023 của Giám đốc chi nhánh H – Ngân hàng HDBank).

Địa chỉ chi nhánh: Số F đường H2, phường H3, TP. H, tỉnh H.

***/ Đồng bị đơn:* - Ông Cao Xuân Tr, sinh năm 1975.**

- Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1977.

Trú tại: Đội G, thôn M, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P1 là ông Cao Xuân Tr.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1.* Về số tiền nợ phải trả:** Tính đến ngày 14/9/2023, ông Cao Xuân Tr và bà Nguyễn Thị P1 còn nợ Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) – Chi nhánh H – PGD K cụ thể như sau:

/ Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13386.01/20MB/HĐTD ngày 11/08/2020 và Khế ước nhận nợ số 13386.01/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/08/2020 (Khoản vay phục vụ mục đích Kinh doanh):

- Nợ gốc là: 900.000.000đ.
- Lãi trong hạn là 59.178.082đ.
- Lãi quá hạn gốc là 293.109.041đ.
- Lãi chậm trả lãi là 13.306.070đ.

Tổng số tiền gốc + lãi của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 13386.01/20MB/HĐTD ngày 11/08/2020 và Khế ước nhận nợ số 13386.01/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/08/2020 là 1.265.593.193 đồng.

/ Đối với Hợp đồng tín dụng số 13386.02/20MB/HĐTD ngày 11/08/2020 và Khế ước nhận nợ số 13386.02/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/08/2020 (Khoản vay phục vụ mục đích tiêu dùng):

- Nợ gốc là: 300.000.000đ.
- Lãi trong hạn là 77.332.521đ.
- Lãi quá hạn gốc là 11.849.692đ.
- Lãi chậm trả lãi là 10.869.498đ.

Tổng số tiền gốc + lãi của Hợp đồng tín dụng số 13386.02/20MB/HĐTD ngày 11/08/2020 và Khế ước nhận nợ số 13386.02/20MB/HĐTD/KUNN01 ngày 13/08/2020 là 400.051.711 đồng.

Tổng cộng cả nợ gốc và lãi của cả 02 khoản vay tính đến ngày 14/9/2023 là: 1.665.644.904đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm linh tư đồng).

2.2. Thời hạn trả nợ:

- Chậm nhất là ngày 15 tháng 10 năm 2023, ông Tr, bà P1 phải trả cho Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) – Chi nhánh H – PGD K tổng số tiền là 1.665.644.904đ (Một tỷ sáu trăm sáu mươi năm triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm linh tư đồng).

Kể từ ngày 15/9/2023, ông Tr, bà P1 còn phải tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh mà các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) thì lãi suất đối với số tiền mà ông Tr, bà P1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) – Chi nhánh H – PGD K theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank).

2.3 Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp đến hạn trả nợ (ngày 15/10/2023), ông Cao Xuân Tr và bà Nguyễn Thị P1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) – Chi nhánh H – PGD K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) – Chi nhánh H – PGD K theo theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: 7600/19MB/HĐBĐ ngày 16/07/2019 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 7600/19MB/HĐBĐ/PL01 ngày 11/08/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 7600.01/19MB/HĐBĐ ngày 16/07/2019 cụ thể là: toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 18, diện tích 274 m2, hình thức sử dụng: sử dụng riêng, mục đích sử dụng: đất ở: thời gian sử dụng: lâu dài; địa chỉ: Thôn O, xã Đ2, huyện K, tỉnh H; theo GCN QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 299793, do Sở tài nguyên môi trường tỉnh H cấp ngày 20/12/2019; số vào sổ cấp GCN CS03708; cấp cho ông Cao Xuân Tr và bà Nguyễn Thị P1 và Căn nhà 2 tầng diện tích 180 m^2 xây dựng năm 2011 được xây dựng trên thửa đất số 138 tờ bản đồ số 18 thuộc quyền sở hữu của ông Cao Xuân Tr và bà Nguyễn Thị P1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của ông Cao Xuân Tr và bà Nguyễn Thị P1 đối với HDBank sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình khởi kiện và xử lý tài sản. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ, HDBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của ông Tr, bà P1 để thu hồi đủ số tiền còn nợ theo Quyết định có hiệu lực của Tòa án.

2.4 Về án phí: Ông Cao Xuân Tr và bà Nguyễn Thị P1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí KDTMST là 24.983.897đ (Hai mươi tư triệu chín trăm tám mươi ba nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng) và án phí DSST là 10.001.034đ (Mười triệu không trăm linh một nghìn không trăm ba mươi bốn đồng).

Tổng án phí KDTMST và DSST ông Tr, bà P1 phải chịu là: 24.983.897đ + 10.001.034đ = 34.984.931đ (Ba mươi tư triệu chín trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng).

Ngân hàng TMCP P thành phố H1 (HDBank) – Chi nhánh H – PGD K - được hoàn trả lại 30.291.000đ (Ba mươi triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn đồng) tiền

tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008435, ngày 27/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện K/C;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu H4